

Bản án số: 132/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn,
chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Trâm;

2/ Ông Võ Quang Truyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Thông báo hoãn phiên tòa số 292/TB-TA ngày 21/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Văn L**, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 26/4C, ấp Trường P, xã T, thị xã H, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh L: Ông **Nguyễn Thanh Hùng** – Văn phòng luật sư Nguyễn Thanh Hùng- thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Chị **Đặng Ngọc TH**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 26/4C, ấp Trường P, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của chị TH: Anh **Nguyễn Văn Từ**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh - Là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền số 634 quyền số 02/2022-SCT/HD, GD ngày 13/5/2022 (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Phan Văn M**, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Số 7, đường số 12 đường Trịnh Phong Đáng, khu phố L Tân, phường L Thành Bắc, thị xã H, tỉnh T

- Bà **Phan Thị Kim P**, sinh năm 1968 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 284, tổ 7, ấp Lương Nhơn, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Hòa Thành.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hoàng Bửu** – Chức vụ giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Như Thùy** – Chức vụ phó giám đốc.
(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2022 và lời khai của anh Phan Văn L tại phiên tòa thể hiện như sau:

Anh L và chị Đặng Ngọc TH tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh L và chị TH chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu về vấn đề tiền bạc, anh L cho rằng chị TH không trung thực trong tiền bạc, chị TH dùng tiền của gia đình để chơi hụi nhưng khi anh L hỏi tiền thì chị TH nói không có. Do đó, cuộc sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra bất hòa và không còn hạnh phúc. Anh chị đã không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy vợ chồng anh chị không thể tiếp tục chung sống nên anh L yêu cầu ly hôn với chị TH.

Về con chung: Anh L và chị TH chung sống có 02 con chung tên Phan Đặng Tú My, sinh ngày 14/9/2003 và Phan Đặng Khởi My, sinh ngày 11/7/2014. Cháu Tú My đã trưởng thành nên anh L không yêu cầu giải quyết, riêng cháu Khởi My muốn sống với mẹ thì anh L đồng ý giao cho chị TH nuôi dưỡng và anh L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng, anh không có khả năng cấp dưỡng hàng tháng 2.000.000 đồng theo yêu cầu của chị TH.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh L có 01 phần đất diện tích 94,5 m², tọa lạc tại ấp Trường P, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, trên đất có căn nhà tường cấp 4. Ngoài ra, không còn tài sản nào khác.

Tại phiên tòa, anh L đồng ý nhận phần đất 94,5 m² và căn nhà trên đất, anh sẽ thanh toán số tiền 700.000.000 đồng cho chị TH. Ngoài ra, anh L đồng ý đóng tiền học phí cho cháu Phan Đặng Tú My theo từng học kỳ tại trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng.

Việc chị TH cho rằng phần đất liền kề do bà Phan Thị Kim P đứng tên giấy nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng anh là không đúng, đây là tài sản của bà P. Do chị TH muốn mở rộng buôn bán, anh sửa điện tại nhà nên anh chị có xin bà P cất căn nhà tiền chế trên phần đất này.

Về nợ chung: Trước đây vợ chồng anh có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hòa Thành số tiền 100.000.000 đồng. Nhưng do thời gian dịch bệnh anh L không có khả năng trả tiền lãi, anh L có yêu cầu chị TH đưa tiền để trả tiền lãi thì chị TH không đưa nên anh L có vay của ông Phan Văn M 02 lần vào ngày 20/3/2021 số tiền 50.000.000 đồng và lần 02 ngày 01/8/2021 số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 100.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Ngoài ra, vợ chồng anh L vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách thị xã Hòa Thành số tiền 20.000.000 đồng để cho con đi học. Anh L yêu cầu chị TH có nghĩa vụ cùng anh trả cho ông M số tiền 100.000.000 đồng và số tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội 20.000.000 đồng.

Việc chị TH cho rằng có đưa cho anh L 50.000.000 đồng để trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn là không có vì sau khi vay tiền anh L có lấy 50.000.000 đồng trả cho bà P số tiền mà vợ chồng anh còn nợ trước đây để mua phần đất hiện vợ chồng anh chị đang sinh sống.

Lời trình bày của chị Đặng Ngọc TH trong quá trình làm việc và tại phiên tòa thể hiện:

Chị TH thống nhất toàn bộ lời trình bày của anh L về hôn nhân, về thời gian vợ chồng chung sống về con chung là đúng. Chị TH và anh L chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do anh L tính tình khó chịu gia trưởng nhưng chị TH đã cố gắng để sống chung vì các con, kinh tế trong gia đình do chị TH xoay sở nhưng đến năm 2020 do con chị TH đi học đại học nên chị TH có nói anh L làm gì kiếm thêm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, anh L bỏ đi cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng chị không thể tiếp tục chung sống nên chị TH đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L.

Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Phan Đặng Tú My, sinh ngày 14/9/2003 và Phan Đặng Khởi My, sinh ngày 11/7/2014. Cháu Tú My đã trưởng thành nên chị TH không yêu cầu giải quyết, riêng cháu Khởi My chị TH yêu cầu nuôi dưỡng và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị TH cho rằng có 02 phần đất là một phần đất diện tích 94,5 m² tại xã Trường P, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, trên đất có căn nhà cấp 4 do vợ chồng chị TH đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Một phần đất diện tích 84,7 m² liền ranh với căn nhà cấp 4 của anh chị do bà Phan Thị Kim P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực chất phần đất này là vợ chồng chị TH mua nhưng do vợ chồng chị không đủ tiền nên có mượn của bà P 100.000.000 đồng để mua đất, sau đó bà P có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị TH giữ, chị TH cũng đã trả lại cho bà P số tiền 100.000.000 đồng rồi nhưng bà P chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị TH. Hiện vợ chồng chị TH cũng có căn nhà tole tiền chế trên phần đất này để mở rộng mua bán, nếu anh L cho rằng đất của bà P thì vợ chồng chị TH không thể cất nhà trên đất. Ngoài ra, không còn tài sản nào khác.

Tại phiên tòa, chị TH rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung đối với phần đất diện tích 84,7 m² tại ấp Trường P, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh tây Ninh do bà Phan Thị Kim P đứng tên. Chị TH đồng ý giao phần đất 94,5 m² trên đất có căn nhà cho anh L và nhận số tiền 700.000.000 đồng. Ngoài ra, chị TH yêu cầu anh L anh L có trách nhiệm đóng tiền học phí cho cháu Phan Đặng Tú My số tiền 100.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị TH thừa nhận vợ chồng chị có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hòa Thành số tiền 100.000.000 đồng để về cất căn nhà tole tiền chế 50.000.000 đồng nên còn 50.000.000 đồng chị TH có đưa lại cho anh L để trả tiền lại Ngân hàng nên hiện chỉ còn nợ 50.000.000 đồng và nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội thị xã Hòa Thành số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, vợ chồng chị TH hiện chỉ còn nợ số tiền 70.000.000 đồng, chị TH yêu cầu chia đôi khoản nợ trên. Việc anh L vay tiền của ông M, chị TH không biết nên chị TH không đồng ý cùng anh L trả nợ cho ông M.

Lời trình bày của ông Phan Văn M tại phiên tòa thể hiện:

Chị TH và anh L nợ tiền ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hòa Thành nhưng chị TH không đưa tiền cho anh L trả tiền lãi nên ông M có cho anh L vay tiền hai lần để trả tiền ngân hàng. Lần thứ nhất vào ngày 20/3/2021 số tiền 50.000.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 01/8/2021 số tiền 50.000.000 đồng, việc anh L vay

tiền của ông M anh L không có nói cho chị TH biết do chị TH không thiết tình về vấn đề tiền bạc với anh L nhưng anh L có viết giấy nhận nợ cho ông M.

Nay ông M yêu cầu anh L và chị TH có nghĩa vụ cùng trả cho ông M số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ý kiến của bà Phan Thị Kim P:

Phần đất diện tích 84,7 m² tọa lạc tại ấp Trường P, xã Trương Tây, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là tài sản của bà, việc chị TH cho rằng phần đất này là tài sản chung của anh L và chị TH là không đúng. Bà không có cho anh L chị TH vay tiền để mua phần đất này mà bà nhận chuyển nhượng của chị Nguyễn Ngọc Vân Anh. Việc anh L chị TH cất căn nhà tiền chế trên phần đất này bà có biết.

Ý kiến của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách thị xã Hòa Thành:

Anh Phan Văn L và chị Đặng Ngọc TH có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách thị xã Hòa Thành theo chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 20.000.000 đồng và anh chị có gửi số tiền tiết kiệm hiện nay 1.400.000 đồng. Nay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách thị xã Hòa Thành yêu cầu anh chị có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách thị xã Hòa Thành số tiền 18.600.000 đồng khi anh chị ly hôn.

Người đại diện theo ủy quyền của chị TH trình bày:

Anh Từ thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị TH, không có yêu cầu gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh L trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức cấp dưỡng phù hợp với thu nhập hiện nay của anh L. Hiện anh L chưa có thu nhập ổn định nên việc chị TH yêu cầu anh L cấp dưỡng cho cháu Khởi My hàng tháng 2.000.000 đồng là quá cao nên anh L chỉ đồng ý mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

Đối với khoản nợ 100.000.000 đồng mà anh chị đã vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì anh chị đã trả cho bà P 50.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng anh chị dùng để xây dựng nhà tiền chế. Việc ông M cho anh L vay số tiền 100.000.000 đồng không tính lãi để trả tiền Ngân hàng là để tránh việc trả lãi cho Ngân hàng, thời gian anh L vay tiền là phù hợp với thời gian anh L trả tiền Ngân hàng và trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc chị TH có nghĩa vụ cùng anh L trả tiền cho ông M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh L và chị TH; Về con chung: Cháu Phan Đăng Tú My, sinh ngày 14/9/2003 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; giao cháu Phan Đăng Khởi My, sinh ngày 11/7/2014 cho chị TH tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Khởi My; anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung: Ghi nhận anh L và chị TH thỏa thuận giao phần đất diện tích 94,5 m² và căn nhà trên đất cho anh L và anh L có nghĩa vụ thanh toán cho chị TH số tiền 700.000.000 đồng; Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung là phần đất diện tích 84,7 m² của chị TH; Ngoài ra, ghi nhận việc

anh L đồng ý đóng tiền học phí từng học kỳ cho cháu Phan Đăng Tú My tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 100.000.000 đồng; Về nợ chung: Buộc anh L và chị TH có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn M số tiền 100.000.000 đồng; Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh L có khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị TH. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

[2] Về hôn nhân: Anh L và chị TH tự nguyện chung sống từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị không còn tin tưởng nhau về vấn đề tiền bạc, anh chị không có tiếng nói chung nên cuộc sống của anh chị thường xuyên xảy ra bất hòa. Anh L và chị TH đã không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Nay chị TH đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L với chị TH theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Phan Đăng Tú My, sinh ngày 14/9/2003 và Phan Đăng Khởi My, sinh ngày 11/7/2014. Cháu Phan Đăng Tú My đã trưởng thành nên anh L và chị TH không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ. Riêng cháu Phan Đăng Khởi My hiện đang sống với chị TH và cháu Khởi My có nguyện vọng sống với chị TH nên giao cháu Khởi My cho chị TH tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Khởi My hàng tháng mỗi tháng 1.500.000 đồng nhưng chị TH yêu cầu anh L cấp dưỡng cháu Khởi My hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị TH đã kê khai phí nuôi dưỡng cháu Khởi My hàng tháng gồm chi phí học hành, chi phí sinh hoạt là khoản gần 4.000.000 đồng. Như vậy, với mức cấp 1.500.000 đồng là thấp không đủ để đảm bảo điều kiện sinh hoạt hàng tháng cho cháu My. Ngoài ra, chị TH vẫn phải lo chi phí sinh hoạt hàng tháng cho cháu Tú My học đại học và thu nhập chính của chị TH dựa vào tiệm tạp hóa của gia đình nhưng anh chị đã thỏa thuận giao căn nhà cho anh L thì chị TH phải tạo lập cuộc sống mới tìm nguồn thu nhập khác nên sẽ ảnh hưởng chi phí sinh hoạt của cháu Khởi My. Do đó, thấy rằng anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng với mức cấp dưỡng để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của cháu Khởi My là 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung:

Anh L và chị TH đều thống nhất anh chị chung sống có 01 tài sản chung là phần đất diện tích 94,5 m² tọa lạc tại ấp Trường P, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, trên đất có căn nhà cấp 4 kết cấu móng bê tông, gạch + đá 4x6, nền gạch men, cửa đi sắt, có gắn kính, tường xây gạch sơn “P”, cột gạch, kèo đòn tay gỗ xây dựng, mái tole có diện tích ngang 4m x dài 16,9 m = 67,6 m²; phần chữ L diện tích ngang 4,3 m x dài 3,4 m = 14,62 m², tổng cộng là 82,22 m²; có phần mái che khung sắt tiền chế, mái tole nền xi măng diện tích ngang 4m x dài 2,1 m = 8,4 m², nguồn gốc phần tài sản này do vợ chồng anh chị tự tạo lập.

Theo Biên bản định giá ngày 13/10/2022 thì phần đất trị giá: 150.000.000 đồng/1 m ngang dài 17 m; tương đương 8.823.529 đồng/1 m². Tổng số tiền là 8.823.529 đồng/1 m² x 94,5 m²= 747.352.906 đồng.

Phần nhà có trị giá: 82,22 m² x 3.230.000 đồng/1 m² x 50% giá trị sử dụng còn lại= 132.785.300 đồng.

Phần mái che trị giá: 8,4 m² x 498.000 đồng/1m² x 65% giá trị sử dụng còn lại= 2.719.000 đồng.

Tổng giá trị phần đất và căn nhà là 882.857.206 đồng (tám trăm tám mươi hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

Xét việc thỏa thuận của anh L và chị TH thấy rằng: Anh L và chị TH đồng ý giao cho anh L phần đất diện tích 94,5 m² tọa lạc tại ấp Trường P, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, trên đất có căn nhà cấp 4 và anh L có nghĩa vụ thanh toán cho chị TH số tiền 700.000.000 đồng là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét thấy chị TH rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung đối với phần đất diện tích 84,7 m² tọa lạc tại ấp Trường P, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do bà Phan Thị Kim P đứng tên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của chị TH là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trên phần đất này có phần mái che khung sắt tiền chế, mái tole, nền xi măng diện tích ngang 4,9 m x dài 3,9m= 19,11 m²

Phần mái che này trị giá: 19,11 m² x 498.000 đồng/1m² x 65% giá trị sử dụng còn lại= 6.185.907 đồng (sáu triệu một trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm lẻ bảy đồng).

Xét thấy, anh L, chị TH và bà P đều thừa nhận phần mái che này tài sản chung của anh L và chị TH. Tuy nhiên, bà P không có yêu cầu tháo dỡ để trả lại phần đất này cho bà nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này, nếu bà P có yêu cầu thì khởi kiện trong vụ án khác. Giao anh L quản lý sử dụng và anh L có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị chênh lệch lại cho chị TH là 3.092.953 đồng.

Tổng cộng số tiền anh L có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị TH là 703.092.953 đồng (Bảy trăm lẻ ba triệu không trăm chín mươi hai nghìn chín trăm năm mươi ba đồng).

[6] Ngoài ra, anh L tự nguyện chuyển khoản đóng tiền học phí cho cháu Tú My theo từng học kỳ tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi cháu Tú My tốt nghiệp với số tiền 100.000.000 đồng. Xét thấy thỏa thuận của anh chị là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về nợ chung:

[7.1] Đối với khoản nợ 18.600.000 đồng của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Hòa Thành anh L và chị TH đều thừa nhận là nợ chung của anh chị nên buộc anh chị có trách nhiệm cùng trả. Do đó, anh L và chị TH mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số nợ trên là 9.300.000 đồng cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Hòa Thành số nợ trên.

[7.2] Đối với khoản vay 100.000.000 đồng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hòa Thành thì anh L và chị TH đều thừa nhận có vay. Tuy nhiên, chị TH cho rằng sau khi anh chị sử dụng số tiền 50.000.000 đồng để xây dựng mái tole xong chị có đưa cho anh L số tiền 50.000.000 đồng để lại cho Ngân hàng nên chị TH chỉ

đồng ý cùng anh L trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hòa Thành số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo lịch sử giao dịch của Ngân hàng thì khoản vay của anh chị đã trả vào ngày 23/3/2021 số tiền gốc 50.000.000 đồng, ngày 05/8/2021 trả tiền gốc 50.000.000 đồng, hiện anh chị không còn khoản nợ nào đối với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hòa Thành không tham gia tố tụng trong vụ án này là có căn cứ.

[7.3] Đối với khoản nợ 100.000.000 đồng của ông Phan Văn M: Anh L thừa nhận có vay của ông Phan Văn M lần thứ nhất vào ngày 20/3/2021 số tiền 50.000.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 01/8/2021 số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng. Mặc dù anh L thừa nhận việc anh vay tiền của ông M không có nói cho chị TH biết. Tuy nhiên, thời gian vay tiền của ông M và thời gian anh L trả nợ cho Ngân hàng là trùng khớp với nhau và hiện nay anh chị cũng không còn nợ nào với ngân hàng. Ngoài ra, việc chị TH cho rằng có đưa cho anh L số tiền 50.000.000 đồng để anh L trả tiền Ngân hàng nhưng chị TH không có chứng cứ gì chứng minh.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định số tiền vay 100.000.000 đồng của ông M là nợ chung của anh chị. Do đó, anh L và chị TH mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên là 50.000.000 đồng cho ông M.

[8] Do anh L là người nhận tài sản và có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch lại cho chị TH nên xét thấy cần giao cho anh L có nghĩa vụ trả thay cho chị TH các khoản nợ nêu trên và khấu trừ vào số tiền anh L có nghĩa vụ thanh toán cho chị TH là phù hợp. Cụ thể:

Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Hòa Thành số tiền 18.600.000 đồng và tiền lãi 99.000 đồng tính đến ngày 08/12/2022. Chị TH có nghĩa vụ trả số tiền 9.349.500 đồng.

Nợ ông Phan Văn M 100.000.000 đồng. Chị TH có nghĩa vụ trả 50.000.000 đồng.

Do đó, số tiền anh L có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị TH là:

$703.092.953 \text{ đồng} - 59.349.500 \text{ đồng} = 643.743.453 \text{ đồng}$ (Sáu trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng).

[9] Về chi phí tố tụng: Anh L đã tạm ứng chi phí thẩm định, đo đạc định giá là 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh L yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật nên chị TH có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh L số tiền 1.500.000 đồng khấu trừ vào số tiền anh L có nghĩa vụ thanh toán cho chị TH. Do đó, anh L chỉ còn phải thanh toán lại cho chị TH số tiền là:

$643.743.453 \text{ đồng} - 1.500.000 \text{ đồng} = 642.243.453 \text{ đồng}$ (Sáu trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng).

[10] Về án phí:

Anh L chịu: án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đối với án phí chia tài sản chung:

Anh L chịu: $185.950.159 \text{ đồng} \times 5\% = 9.297.000 \text{ đồng}$

Chị TH chịu: $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times 303.092.953 \text{ đồng} = 32.124.000 \text{ đồng}$.

Đối với nợ chung:

Anh L và chị TH phải chịu: $59.349.500 \text{ đồng} \times 5\% = 2.967.000 \text{ đồng}$

[11] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 37, 56, 59, 81, 82, 83, Điều 107 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 26; điểm a, c khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa anh Phan Văn L và chị Đặng Ngọc TH. Anh L và chị TH không còn nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Đặng Tú My, sinh ngày 14/9/2003 và Phan Đặng Khởi My, sinh ngày 11/7/2014. Cháu Tú Mỹ đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu Khởi My cho chị TH tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Khởi My hàng tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Khởi My đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ 14/12/2022.

Kể từ ngày chị Đặng Ngọc TH có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh Phan Văn L chưa thi hành án thì hàng tháng anh L còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Giao phần đất diện tích 94,5 m² tọa lạc tại ấp Trường P, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, trên đất có căn nhà cấp 4 cho anh Phan Văn L. Anh L có nghĩa vụ thanh toán cho chị TH số tiền 642.243.453 đồng (Sáu trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng).

Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị TH đối với phần đất diện tích 84,7 m² tọa lạc tại ấp Trường P, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do bà Phan Thị Kim P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ghi nhận việc anh L tự nguyện chuyển khoản đóng tiền học phí theo từng học kỳ cho cháu Phan Đặng Tú My tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

4. Về nợ chung: Anh L có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn M số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách thị xã Hòa Thành 18.600.000 (Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

5. Về án phí: Anh Phan Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, 12.264.000 đồng án phí chia tài sản chung và nợ chung. Tổng cộng anh L phải chịu 12.864.000 đồng. Chị TH phải chịu 35.091.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 6.550.000 đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020613 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh và khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị TH đã nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020926 ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh L còn phải nộp 6.314.000 đồng (Sáu triệu ba

trăm mười bốn nghìn đồng), chị TH còn phải nộp 32.591.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông Phan Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm đồng) theo biên lai thu số **0021053** ngày 18 tháng 10 năm 2022.

6. Về chi phí tố tụng: Anh L đã nộp xong số tiền 3.000.000 đồng.

Án dân sự sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THA DS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Lương,
huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.

Lê Thị Hoàng Yến